

**TÀI LIỆU****tuyên truyền, giáo dục lịch sử truyền thống và cách mạng quý II năm 2024***(Kèm theo Công văn số 501-CV/BTGTU ngày 25/7/2024**của Ban Tuyên giáo Thành uỷ)*

-----

**Chuyên đề Lịch sử tỉnh Đồng Tháp<sup>(1)</sup>****CÔNG CUỘC KHAI PHÁ VÀ BẢO VỆ VÙNG BIÊN VIỄN HỒNG NGỰ**

**1. Vùng đất Hồng Ngự ngày nay bao gồm thành phố Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự và huyện Tân Hồng.**

Từ xa xưa, cư dân vương quốc Phù Nam đã từng sinh sống, khai thác vùng đất Hồng Ngự, nhiều dấu tích còn để lại rải rác ở huyện Tân Hồng. Thế kỷ XVII, nhiều người Việt, người Khmer, người Chăm đã khai phá và định cư ở đây.

Năm 1757, chúa Nguyễn Phước Khoát (Võ vương) tiếp nhận vùng đất Tâm Phong Long do quốc vương Chân Lạp là Nặc Tôn dâng nạp để tạ ơn chúa đã giúp mình giành lại ngôi báu. Đây là vùng đất hai bên sông Tiền và sông Hậu - bao gồm các cù lao trên sông, là phần đất thuộc chủ quyền người Việt sau cùng trong diễn trình khai phá đất phương Nam. Chúa Nguyễn Phước Khoát cho lập ba đạo (đơn vị hành chính) là Đông Khâu (trị sở đặt tại thôn Vĩnh Phước, Sa Đéc), Châu Đốc (trị sở tại Châu Đốc) và Tân Châu (trị sở đặt ở đầu cù lao Giêng). Do sông nước cách trở nên chúa Nguyễn lập thêm thủ sở Chiến Sai (do âm Khmer *kiên svai* có nghĩa là *chòm xoài* hoặc *hóc kẹt có nhiều cây xoài*) nằm bên bờ sông Tiền (địa phận xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày nay) và thủ Hùng Thắng đóng tại vàm Đốc Vàng<sup>(2)</sup>, án ngữ tuyến sông Tiền, giao cho đạo Tân Châu quản lý.

Năm 1818, vua Gia Long cho dời các đồn thủ lên sát biên giới, theo đó thì thủ sở Chiến Sai dời lên thôn Long Sơn, thủ sở Hùng Ngự chuyển lên sông Hiệp Ân (sông Hồng Ngự, ở khu Mekong Resort, thành phố Hồng Ngự ngày nay) - qua năm tháng, Hùng Ngự nói trại dần thành Hồng Ngự. Năm 1819, vua Gia Long dời bảo Thông Bình từ thôn Vĩnh Thạnh, huyện Kiến Hưng, trấn Định Tường (nay thuộc huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An) về xứ Vàm Dừa (nay thuộc xã Thông Bình, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp)<sup>(3)</sup>. Với các thủ sở, đồn bảo triển khai dọc biên giới, thu hút đông đảo người Việt đến khai khẩn ruộng đất, khai thác nguồn thủy lợi dồi dào trên sông Tiền, Sở Thượng, Sở Hạ, Tân Thành,...

**2. Sông Tiền chia Hồng Ngự thành hai vùng sinh thái: Vùng đất liền và các cù lao. Cho đến năm 1836, vùng Hồng Ngự có 7 thôn (An Phong, An Long, Thường**

<sup>(1)</sup> Chuyên đề do đồng chí Lê Minh Trung, Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Đồng Tháp biên soạn.

<sup>(2)</sup> Thủ sở đặt bên bờ sông Tiền (khoảng miếu Quan Thánh đế quân), do đã dời đi vào năm 1818 nên nơi này gọi là Cựu Chiến Sai thủ sở (thủ sở Chiến Sai cũ), đã bị lở xuống sông, để lại dấu vết trong địa danh Chợ Thủ. Thủ sở Hùng Thắng ở vị trí Đền thờ Tân Thành quận công Trần Văn Năng (xã Tân Thạnh, Thanh Bình Đồng Tháp).

<sup>(3)</sup> *Đại Nam nhất thống chí* chép "bảo Thông Bình ở phía đông sông Vàm Dừa". Sông Vàm Dừa nay gọi là sông Tân Thành, Cái Cái, có thể phỏng định bảo Thông Bình đặt ở chỗ Đồn biên phòng Thông Bình cũ, nay là Trường Tiểu học Thông Bình.

Lạc, Thường Thới và Thường Phước bên đất liền, Long Khánh và Tân Hưng trên các cù lao).

- Hồng Ngự đất liền là phần đất bao quanh phía bắc và phía tây Đồng Tháp Mười thuộc quyền quản hạt của tỉnh Định Tường. Trải qua hơn 100 năm, đã lập được hai thôn là An Long và An Phong nhưng dân cư vẫn sống tập trung bên bờ sông Tiền vì sâu bên trong còn là rừng hoang, chằm phá. Địa bạ thôn An Long lập năm 1836 cho thấy địa phận của thôn có thể bao gồm huyện Hồng Ngự (trừ các cù lao), thành phố Hồng Ngự và một phần của huyện Thanh Bình ngày nay. Cũng theo Địa bạ cùng năm thì thôn An Phong kéo dài xuống thôn Phong Mỹ, qua tới thủ sở Thông Bình ở phía cực đông, phỏng định bao gồm huyện Tân Hồng, một phần của huyện Cao Lãnh và huyện Tam Nông ngày nay.

Vùng Hồng Ngự đất liền lại có phần đất phía tây sông Hiệp Ân trở ra sông Tiền, đến sau năm 1820 hình thành ba thôn Thường Lạc, Thường Phước và Thường Thới, dân gian gọi là vùng Tam Thường.

- Các cù lao (Cái Vừng, Chà Và, Tản Dù và cù lao Tây) được lưu dân khai phá sớm. Đến thời Gia Long, một thôn được thành lập là Long Khánh, về sau lập thêm hai thôn Long Thuận, Phú Thuận trên cù lao Cái Vừng, Chà Và và Tản Dù, còn trên cù lao Tây có thôn Tân Hưng, tất cả đều thuộc tỉnh An Giang.

Do nguồn lợi tự nhiên phong phú, đất đai màu mỡ, mua bán qua biên giới thuận lợi nên người Việt đến đây ngày một nhiều, dần dần lập thêm các thôn mới. Đến cuối thế kỷ XIX, vùng Hồng Ngự đất liền đã tăng lên thành 9 làng<sup>(4)</sup> (An Long, An Phong, An Bình, Tân Thành, Bình Thạnh, Thường Lạc, Thường Phước, Thường Thới, Tân Hội) và 6 làng ở vùng cù lao (Tân Huệ, Tân Quới, Tân Long, Long Khánh, Long Thuận, Phú Thuận).

Sự ra đời của làng Tân Thạnh là một điển hình của quá trình quy dân lập làng ở vùng biên giới. Khi cuộc khởi nghĩa ở Đồng Tháp Mười của Thiên hộ Võ Duy Dương tan vỡ (năm 1866), ông Huỳnh Công Huy (Bùi Quang Huy) - một bộ tướng của Võ Duy Dương, đã cùng một số nghĩa quân trung kiên rút lên giồng Sa Rài ẩn náu chờ thời cơ. Quân Pháp chiếm hết Nam Kỳ, ông Huỳnh Công Huy tập trung dân lưu tán vì chiến tranh và người Việt đã đến từ trước, cùng nghĩa quân của mình chung sức khai phá đất đai còn hoang vu, đến năm 1870 lập nên làng Tân Thành và ông được tôn làm Hương cả, Tiền hiền của làng. Lúc đó, làng Tân Thành rất rộng lớn, bao trùm toàn bộ huyện Tân Hồng ngày nay.

Sau khi chiếm các tỉnh Nam Kỳ, chính quyền Pháp nhiều lần thay đổi địa giới, quản lý hành chính vùng Hồng Ngự. Năm 1900, các làng vùng Hồng Ngự đất liền thuộc tỉnh Sa Đéc, còn Hồng Ngự cù lao lại thuộc tỉnh Châu Đốc, cho đến năm 1903, tất cả đều thuộc quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc.

Ngày 19/12/1929, Toàn quyền Đông Dương thành lập quận Hồng Ngự thuộc tỉnh Châu Đốc. Đến đây, lần đầu tiên tên gọi Hồng Ngự xuất hiện trên văn bản nhà nước với tư cách đơn vị hành chính cấp quận. Quận Hồng Ngự mới lập rất rộng,

<sup>(4)</sup> Từ năm 1900, *thôn* được gọi là *làng* theo quy định của chính quyền Pháp.

bao gồm tất cả các làng trên đất liền, các cù lao thuộc vùng Hồng Ngự (tỉnh Đồng Tháp ngày nay) và một số làng ven sông Tiền trên địa phận tỉnh An Giang ngày nay (Hoà Hảo, Phú Lâm, Phú An, Long Phú, Long Sơn, Phú Hội Đại, Tân An, Vĩnh Hoà, Vĩnh Xương, Vĩnh Xuyên).

Tháng 02/1956, chính quyền Sài Gòn cắt quận Hồng Ngự, Cao Lãnh, tổng Phong Thạnh Thượng và 4 xã của quận Cái Bè (của tỉnh Mỹ Tho) để thành lập tỉnh Phong Thạnh, mấy tháng sau đổi thành Kiến Phong với các quận: Cao Lãnh, Thanh Bình, Hồng Ngự. Lúc này, quận Hồng Ngự gồm 8 làng ở đất liền (An Long, An Bình, Tân Thành, Bình Thạnh, Thường Lạc, Thường Phước, Thường Thới, Tân Hội) và 6 làng ở vùng cù lao (Tân Huệ, Tân Quới, Tân Long, Long Khánh, Long Thuận, Phú Thuận). Do là quận biên giới, chính quyền tỉnh Phong Thạnh/Kiến Phong lại lập thêm phân quận Hồng Ngự trên phần đất giáp tỉnh Long An (ngày nay là huyện Tân Hồng), bố trí dân từ miền Trung vào định cư ở đây<sup>(5)</sup>.

Theo yêu cầu lãnh đạo công cuộc kháng chiến, quận Hồng Ngự từng chuyển thuộc vào các tỉnh do Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ hoặc Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam lập ra: Long Châu Tiền (năm 1948), Long Châu Sa (1951 - lúc này gọi là huyện Hồng Ngự), Châu Đốc (1954), Long Châu Tiền (tái lập năm 1974), Sa Đéc (1974)... Có lúc sáp nhập với huyện Thanh Bình thành huyện Thanh Hồng (1962 - chưa đầy một năm lại tách ra).

Năm 1976, Hồng Ngự là một huyện thuộc tỉnh Đồng Tháp mới thành lập, năm 1989 tách một phần để lập huyện Tân Hồng, năm 2008 tách huyện Hồng Ngự thành hai đơn vị hành chính là thị xã Hồng Ngự (với 3 phường, 4 xã) và huyện Hồng Ngự (11 xã, trong đó có 5 xã trên các cù lao). Năm 2020, thị xã Hồng Ngự trở thành thành phố thuộc Tỉnh với 5 phường và 2 xã.

### 3. Từ thế kỷ XVII, lưu dân người Việt đã có mặt ở vùng biên viễn Hồng Ngự.

Người Chăm được Nghi Biểu hầu Nguyễn Cư Trinh đưa từ Chân Lạp về vào năm 1755, trai tráng Chăm là những chiến binh dũng cảm nên có thể một bộ phận được bố trí ở đây để cùng người Việt trấn giữ biên giới và địa danh Bãi Chàm (thành phố Hồng Ngự) xuất phát từ đó. Theo gia phả họ Đoàn thì cụ Đoàn Văn Hiền vào lập nghiệp ở ven rạch Cà Vàng (nay thuộc xã Tân Thành A, huyện Tân Hồng) vào khoảng năm 1793, chắc rằng vùng này đã có người Việt làm ăn, sinh sống từ rất lâu trước đó.

Kể từ khi vua Gia Long cho lập các thủ sở, đồn bảo sát biên giới làm nhiệm vụ biên phòng, quản lý hành chính, thu thuế và sẵn sàng tiếp ứng cho triều đình Cao Miên, lưu dân Việt đến khai khẩn đất đai ngày càng đông đảo rồi định cư tập trung ở các xứ (vùng đông dân cư) Tham Du, Thương Tân (lập thành thôn An Long), xứ Như Cang (thôn An Phong), xứ Ba Răng, xứ Vàm Dừa,... Thời vua Thiệu Trị, nhiều người Cao Miên tới chung sống với người Việt chung quanh thủ sở Thông Bình, từ đó, vùng Thông Bình (sau là thôn Tân Thành) - nơi tiếp giáp của các con sông Sở Hạ (thông đến sông Tiền), sông Cái Cỏ (qua Vàm Cỏ Tây), sông Tân

<sup>(5)</sup> Chưa rõ phân quận Hồng Ngự giải thể vào lúc nào.

Thành - Cái Cái (vào Đồng Tháp Mười) và sông Trà Béc (lên Ba Nam), trở thành một tụ điểm cư dân quan trọng về kinh tế lẫn quốc phòng.

Sông Tiền, các con rạch Diên Hậu Thượng, Diên Hậu Hạ, Mã Trường, Ba Răng và vùng bồn trũng hoang vu Đồng Tháp Mười tập trung vô số cá tôm, nhất là vào mùa nước rút, sớm trở thành thế mạnh kinh tế hàng đầu của vùng Hồng Ngự. Từ thế kỷ XVII, việc khai thác, mua bán cá tôm, khô mắm đã phát đạt, thu hút nhiều người Việt, người Cao Miên tham gia. Triều đình chia sông rạch hoặc khu vực nhiều cá ra thành nhiều khúc, lóng - gọi là *sở thủy lợi*, cho dân đầu thầu nộp thuế hàng năm hoặc lãnh trưng (một hình thức thuế khoán), địa danh dân gian Sở Thượng (sở thủy lợi trên), Sở Hạ (sở thủy lợi dưới) ra đời từ đó thay cho Hậu Diên Thượng, Hậu Diên Hạ. Những người trúng thầu sở thủy lợi, chủ địa mau chóng trở nên giàu có, nghề làm khô mắm, mua bán, vận chuyển cá cũng phát đạt theo và tiền thuế triều đình thu được lớn hơn nhiều so với thuế đất, vườn<sup>(6)</sup>. Những năm đầu thế kỷ XX, Đồng Tháp Mười vẫn là một ngư trường dồi dào, Trà Đư, Hồng Ngự, Tân Thành trở thành những trung tâm mua bán nhộn nhịp, từ đó cá tôm, khô mắm được vận chuyển theo sông Tiền về Mỹ Tho lên sông Vung Gù (sông Bảo Định) hoặc theo sông Cái Cỏ lên Vàm Cỏ Tây rồi tập trung về Sài Gòn để bán đi các nơi. Chính nghề khai thác cá thịnh vượng đã đưa đến việc triều đình cấp sắc phong *Đại Càn quốc gia nam hải* bên cạnh sắc *Thành hoàng bốn cảnh* cho các thôn chuyên nghề cá ở Hồng Ngự, thôn dân thờ phượng vị thần của nghề với tục cúng "*cầu ngư*" - một dạng sinh hoạt văn hoá - tín ngưỡng độc đáo, mang đậm nét bản địa trải dài mấy trăm năm qua<sup>(7)</sup>. Có thể nói, khai thác nguồn lợi thủy sản (ngày xưa gọi là thủy lợi) là một nghề lâu đời, được các thế hệ người Hồng Ngự kế thừa, tính đến nay đã hơn 200 năm. Điều kiện tự nhiên không còn như trước, nghề đóng đáy cá linh trên sông, nghề vớt cá tra bột một thời nhộn nhịp đã qua rồi, thay vào đó là nghề nuôi cá tra phát triển mạnh, sản phẩm vào được các thị trường khó tính, xứng đáng với danh hiệu "Thủ phủ cá tra" của Việt Nam.

Vùng Hồng Ngự còn có thế mạnh khác, đó là đất đai màu mỡ bên các cù lao và vùng ven sông Tiền đổ vào đến chằm phá, gò cát bên trong (khoảng huyện Tân Hồng ngày nay). Năm 1901, ông Phan Văn Vàng (xếp Vàng) - một thợ săn cá sấu ở Châu Đốc, mang giống lúa nổi từ Kratie (Cao Miên) về trồng nhiều nơi, riêng vùng Hồng Ngự, diện tích lúa nổi lên đến 9.800 mẫu, chiếm quá nửa diện tích ruộng đất của tổng.

Vùng cù lao có sông nước bao quanh, đất đai cao ráo, màu mỡ, thu hút nhiều lưu dân từ đôi bờ sông Tiền qua khai phá, sớm lập nên xóm thôn đông đúc, trù phú, sự giàu có của thôn dân còn lưu lại dấu vết là các đình thần bề thế (đình Long Khánh, đình Tân Hưng) và những ngôi nhà cổ to đẹp. Đầu thế kỷ XX, nghề dệt khăn choàng tắm trở nên phát đạt, thương hiệu "Choàng tắm Long Khánh" nổi danh khắp Nam Kỳ không kém thương hiệu "Lãnh Mỹ A" bên Tân Châu. Làng nghề dệt

<sup>(6)</sup> Vùng sông Sở Thượng, Sở Hạ trong mùa cá 1846 - 1847, đã nộp 26.130 quan tiền thuế, tương đương với mức thuế đánh trên 13.065 mẫu vườn hạng nhất, còn các sở thủy lợi ở lưu vực sông Ba Răng có năm nộp đến 8.670 quan.

<sup>(7)</sup> Hiện đình An Phong còn lưu giữ 6 lá sắc, 3 sắc cấp cho thần *Thành hoàng bốn cảnh* và 3 sắc cấp cho *Đại càn quốc gia Nam hải tứ vị tôn thần*, trong đó, tờ sắc xưa nhất cấp vào năm Thiệu Trị thứ 5 (1845). Đình Phú Thành (xã Phú Thành A) - nguyên là đình thôn An Phú đặt ngay tại sông Ba Răng còn hai miếu thờ Bộ Ngự và Cai Ngự.

choàng tắm ở xã Long Khánh A (huyện Hồng Ngự) được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia vào năm 2023.

**4.** Các chúa Nguyễn thực thi nhiều chủ trương xác lập và bảo vệ chủ quyền ở vùng đất phương Nam. Các hoạt động chủ quyền của chúa Nguyễn được triển khai một cách toàn diện, bao gồm phân định địa giới hành chính, cắt cử quan lại, tổ chức bảo vệ lãnh thổ, ban hành các chính sách kinh tế, quy định việc mua bán qua biên giới,... Ở Hồng Ngự, chính quyền Gia Định cấm ghe buôn không được đi qua Thông Bình để sang Cao Miên (1790), cấm các đồn thủ Tân Châu, Chiền Sai, Hùng Ngự cho phép các sứ bộ Cao Miên sang buôn bán dọc theo sông Tiền (1791), đánh dẹp các nhóm người Cao Miên cướp phá vùng biên giới (1797),...

Từ thời chúa Nguyễn Ánh cho đến vua Minh Mạng, việc biên phòng - an ninh vùng Hồng Ngự do trấn thủ đạo Tân Châu kiêm quản, từ năm 1791 là Cai cơ Nguyễn Đức Thành, kế đến là Cai cơ Trương Phước Quyền (từ năm 1813), Thất Ngọc hầu Hồ Văn Thất (1817), Cai cơ Võ Văn Sáng (1817), Quản cơ Lê Văn Chánh (1826) và Phó vệ úy Đặng Phước Cần (1829). Đến năm 1832, vua Minh Mạng lập 6 tỉnh ở Nam Kỳ, tỉnh Định Tường quản lý toàn bộ biên giới của tỉnh (từ bờ đông sông Tiền cho đến sông Vàm Cỏ Tây).

Vua Minh Mạng tiếp tục gia cố các đồn thủ có từ thời vua Gia Long. Trong trận quyết chiến chiến lược trên sông Vàm Nao - Cỏ Hũ đầu năm 1834 (dương lịch), tướng Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân cho lập thêm hai đồn ở xứ Ba Răng, trong đó, một đồn đặt tại vị trí Đền thờ Tân Thành quận công Trần Văn Năng (nay thuộc xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình), cùng với các đồn phía chợ Thủ (tỉnh An Giang) bên kia sông Tiền tạo thành phòng tuyến vững chắc, đánh tan 5 vạn quân thủy bộ và hàng trăm thuyền chiến của Xiêm.

Thời vua Thiệu Trị, các đồn bảo trên tuyến biên giới Hồng Ngự liên tục bị quân Xiêm vây đánh trong những năm 1841 - 1845. Báo Thông Bình được đắp thêm một chiến lũy dài 80 trượng (khoảng 320m), cao 2 thước (khoảng 1m), tại đây, quân Xiêm - Cao Miên thân Xiêm nhiều lần bao vây, đập đập chặn sông (có thể là đoạn sông Tam Ly) ngăn đường vận chuyển, tướng Nguyễn Tri Phương đem 800 quân cùng với quân trấn thủ đồn và dân binh địa phương ra sức giải tỏa. Thông Bình là nơi tập trung một đạo quân lớn trong chiến dịch phản công quy mô lớn của Đại Nam lên Cao Miên vào tháng 7 (âm lịch) năm 1845. Từ Thông Bình, Tổng đốc An Giang là Doãn Uẩn và Lãnh binh Định Tường Nguyễn Sáng đem quân theo đường sông Cái Cái - sông Tam Ly - sông Trà Béc, hợp cùng đạo quân của Đề đốc An Giang Nguyễn Văn Hoàng tiến theo sông Tiền và đạo quân của Lãnh binh Tây Ninh Nguyễn Công Nhân đánh chiếm Ba Nam và Nam Vang, bao vây Ô Đông, đẩy toàn bộ quân Xiêm ra khỏi Cao Miên, triều đình Xiêm hoàn toàn từ bỏ chính sách bành trướng lãnh thổ về phía đông, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ vùng đất Nam Kỳ sau gần 5 năm chiến tranh loạn lạc.

Năm Tự Đức thứ 15 (1861), quân Pháp sắp tấn công Định Tường, vua Tự Đức liền bổ sung súng pháo cho các đồn Hùng Ngự, Bãi Chàm. Sau khi liên quân Pháp - Tây Ban Nha chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Gia Định, Biên Hòa, Định

Tường), trong những năm 1864 - 1865, vũ khí và đạn dược hỗ trợ các nhóm nghĩa quân được vận chuyển từ Hà Tiên, An Giang vào Đồng Tháp Mười qua đường Hồng Ngự.

Đầu thế kỷ XX, các nhà nho yêu nước, trong đó có cụ Nguyễn Sinh Sắc thường lui tới vùng Hồng Ngự để hun đúc lòng yêu nước, chí sĩ Nguyễn Quang Diêu, nhà nho Trần Hữu Thường (Tú Thường) đóng vai trò lãnh tụ tinh thần ở địa phương, các tổ chức chống Pháp hoạt động bí mật (Kèo xanh, Kèo vàng,...) ra đời, thu hút nhiều nông dân tham gia. Tuy thất bại nhưng chính các phong trào này đã dọn sẵn mảnh đất tốt để đến năm 1930 - 1931, các chi bộ Đảng Cộng sản ra đời ở Hồng Ngự.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, vùng Tam Thường (về sau là Tú Thường) và các xã ven biên giới của Hồng Ngự là nơi đặt căn cứ của Khu uỷ Khu 8, Tỉnh uỷ Châu Đốc, Long Châu Sa, Kiến Phong, Huyện uỷ Hồng Ngự, Thành đoàn Sài Gòn - Gia Định (Y4),... Các tuyến giao liên, vận chuyển vũ khí băng qua bưng biển Đồng Tháp Mười, vượt các kinh rạch bị địch kiểm soát gắt gao, lên Sa Rài (Tân Hồng), qua các tỉnh miền Đông Nam Bộ và Campuchia, được duy trì thông suốt cho đến ngày toàn thắng (30/4/1975).

Những năm 1976 - 1978, lực lượng vũ trang và người dân Hồng Ngự đã cùng Công an vũ trang (sau là Bộ đội biên phòng), các đơn vị của Quân khu 9, tỉnh Đồng Tháp và các tỉnh phía sau lên chi viện,... anh dũng chiến đấu, góp phần bảo vệ vững chắc biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc. Đội du kích 732, đội du kích Hoàng Thương với những nông dân địa phương tự tập hợp nhau lại, bám đất, bám dân để chiến đấu chống quân xâm lược, thể hiện truyền thống yêu nước, tính cách của người Hồng Ngự, là một hiện tượng độc đáo trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc thời đó.

Qua các thời kỳ, nhiều đơn vị, cá nhân được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang (xã Long Thuận, Thường Phước, Thường Thới Hậu, Bình Thạnh, Tân Hội, xã đội trưởng Hà Thị Sạn,...).

**Chuyên đề Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp<sup>(8)</sup>**  
**PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG Ở TỈNH ĐỒNG THÁP**  
**(1930 - 1935)**

Từ ba chi bộ đầu tiên (Chi bộ Hoà An, Chi bộ Lấp Vò, Chi bộ Phong Hoà) ra đời vào tháng 11/1929, đến năm 1930, có thêm một số chi bộ được thành lập trên địa bàn tổng Phong Thạnh Thượng, quận Hồng Ngự, quận Lấp Vò như: Chi bộ Phong Mỹ, Chi bộ Tân Thuận Đông - Tân Thuận Tây, Chi bộ Hội An - Mỹ An Hưng, Chi bộ Tân Dương, Chi bộ Bình Thành, Chi bộ Tân Phú, Chi bộ Tân Thạnh, Chi bộ An Phong, Chi bộ Tân Huệ, Chi bộ Long Thuận, Chi bộ Long Khánh, Chi bộ Phú Thuận... Chi bộ Cao Lãnh xuất bản tờ báo *Lao Nông*, Chi bộ Lấp Vò ra tờ *Tiếng gọi Dân cày*.

Tuy vừa mới ra đời, các chi bộ Đảng thuộc tỉnh Đồng Tháp đã lãnh đạo và phát động phong trào cách mạng rộng lớn, sôi nổi, làm thức tỉnh và cổ vũ mạnh mẽ các tầng lớp nhân dân, là yếu tố quyết định thúc đẩy cao trào cách mạng năm 1930 - 1931.

### **1. Phong trào cách mạng những năm 1930 - 1931**

Để thiết thực kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 01/5/1930, Trung ương Đảng kêu gọi quần chúng công - nông đứng lên đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm, giảm sưu, giảm thuế,... Hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng, các chi bộ Đảng thuộc tỉnh Đồng Tháp ráo riết chuẩn bị mọi mặt để đưa quần chúng xuống đường đấu tranh.

#### ***1.1. Cuộc đấu tranh ở làng Bình Thành (01/5/1930) và dinh quận Cao Lãnh (03/5/1930)***

Năm 1930, quận Cao Lãnh bị mất mùa nghiêm trọng, nông dân thiếu đói còn bị Chủ quận Cao Lãnh bắt đi xâu, đập con lộ từ bên bắc Cao Lãnh vào quận lỵ và làm cầu đúc Cao Lãnh.

Chi bộ Cao Lãnh quyết định tổ chức đấu tranh thí điểm tại làng Bình Thành (lúc ấy thuộc hệ thống tổ chức và lãnh đạo của Chi bộ Cao Lãnh) vào ngày 01/5/1930, vì ở đây có phong trào khá, lại xa đường tiếp viện của địch, bộ máy đàn áp của địch yếu và quần chúng đang phần uất Cai tổng Cần - một đại địa chủ gian ác. Theo gợi ý của bác Sáu Ngàn - một lão hội viên Nông hội làng Hòa An, khẩu hiệu đấu tranh thích hợp được đề ra là "*Hoãn thu thuế thân, thả những người thiếu thuế thân và không đi xâu bị bắt, nếu đi xâu phải trả công và phát gạo*"<sup>(9)</sup>. Đồng chí Nguyễn Văn Tây (Tur Hải), Bí thư Chi bộ Cao Lãnh, chỉ huy cuộc đấu tranh.

Tờ mờ sáng ngày 01/5/1930, khoảng hơn 700 người, phần đông từ làng Bình Thành, Tân Phú, Tân Thạnh, An Phong, đội ngũ chỉnh tề, kéo đến nhà Cai tổng Cần. Trước sức mạnh của quần chúng, Cai tổng Cần và hương chức, hội tề không

<sup>(8)</sup> Chuyên đề do Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ biên soạn.

<sup>(9)</sup> *Thuế thân* là loại thuế chính quyền Pháp thu hàng năm đối với nam giới tuổi từ 18 đến 55 tuổi, chia 2 hạng: Hữu sản 7 đồng, vô sản 5 đồng/người, trong lúc giá lúa chỉ có 0,30đ/gia. Người không có tiền đóng thuế thì bị bắt giam. *Đi xâu*: Người dân từ 18 tuổi đến 45 tuổi (khi cần thì đến 55 tuổi) hàng năm phải đi làm không công những việc gọi là "công ích" trong quận từ 7 ngày trở lên, người đi xâu phải tự túc lương thực.

dám đàn áp mà đành phải tiếp đại diện đoàn biểu tình, hứa sẽ đệ trình lên cấp trên giải quyết yêu sách của đồng bào. Cuộc đấu tranh tại làng Bình Thành giành thắng lợi, nhân dân rất phấn khởi. Chi bộ Cao Lãnh hạ quyết tâm tổ chức cuộc đấu tranh quy mô lớn tại dinh quận Cao Lãnh vào ngày 03/5/1930.

Đêm ngày 02 rạng sáng 03/5/1930, đông đảo người dân từ các làng thuộc quận Cao Lãnh, một số từ Cái Tàu Thượng, Đất Sét, Tân Mỹ (quận Châu Thành), Bình Thành, Tân Phú, Tân Thạnh (tổng Phong Thạnh Thượng), Mỹ Luông, Tân Đức (quận Chợ Mới), nghi trang bằng nhiều cách, lặng lẽ kéo về rạch Cái Sâu (làng Hòa An), cách dinh quận Cao Lãnh khoảng 01km. Trong khi đó, cơ sở nội tuyến của ta đã cắt đứt đường dây điện tín từ Cao Lãnh đi Sa Đéc và Long Xuyên, hai chiếc bắc ở bến bắc Cao Lãnh được đưa về bờ sông phía Cao Lãnh và bị phá hỏng. Giao thông, liên lạc của địch ở Cao Lãnh bị tê liệt.

Từ sáng sớm, trên 4.000 người, đội ngũ chỉnh tề, có đội củ soát (kiểm soát) giữ trật tự, kéo ra lộ và tiến thẳng đến dinh quận Cao Lãnh, hô vang khẩu hiệu "*Hoãn đóng thuế thân 2 tháng*", "*Thả những người bị bắt vì thiếu thuế và không đi xây*", "*Giảm tô tức*", "*Bỏ phạt vạ vô lý*". Khi đoàn biểu tình đến trụ sở tè Hòa An (cách dinh quận khoảng 300m), bị lính ra ngăn chặn nhưng đoàn biểu tình vẫn tiến bước trước mũi súng của địch. Đoàn biểu tình vây chặt dinh quận Cao Lãnh. Trước sức mạnh của hàng ngàn quần chúng đấu tranh có tổ chức, Chủ quận Lê Quang Tường chờ mãi không thấy cứu viện, buộc phải nhận các yêu sách và hứa sẽ trình lên tỉnh giải quyết, mặt khác, chấp nhận niêm yết yêu sách của đồng bào trước dinh quận. Đạt yêu cầu đấu tranh, đoàn biểu tình tuần hành thị uy trên các đường phố ở quận lỵ Cao Lãnh rồi giải tán.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, Thống đốc Nam Kỳ Krautheimer, Chủ tỉnh<sup>(10)</sup> Sa Đéc Esquivillon và quân lính đến Cao Lãnh. Để mị dân và phòng ngừa các cuộc đấu tranh mới, Krautheimer ký sắc lệnh hoãn thuế thân trong hai tháng cho nhân dân toàn Nam Kỳ. Đây là một thắng lợi rất lớn, có sức động viên, cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng ở các khu vực thuộc tỉnh Đồng Tháp và có tiếng vang đối với các tỉnh.

### ***1.2. Cuộc đấu tranh ở quận lỵ Chợ Mới (09/5/1930)***

Do có kinh nghiệm vận động và tổ chức hai cuộc đấu tranh thắng lợi, theo chỉ thị của Đặc uỷ Hậu Giang, Chi bộ Cao Lãnh huy động trên 60 cán bộ cốt cán sang phối hợp với các Chi bộ quận Chợ Mới tổ chức cuộc đấu tranh tại quận lỵ Chợ Mới.

Sáng ngày 09/5/1930, khoảng 7.000 người dân các làng Mỹ Luông, Tấn Đức, Chợ Thủ, Long Điền, Long Kiến, Bình Thành... rầm rộ kéo đến dinh quận Chợ Mới, hô vang khẩu hiệu "*Giảm thuế thân, thuế công điền công thổ*", "*Thả những người bị bắt vì thiếu thuế*",... Trước sức mạnh đấu tranh của quần chúng, Chủ quận Văn Thế Lộc phải ra trước dinh tiếp xúc với đại diện đoàn biểu tình và chấp nhận yêu sách.

### ***1.3. Cuộc đấu tranh ở làng Tân Dương (13/5/1930)***

<sup>(10)</sup> Theo Nghị định của Toàn quyền Đông Dương, kể từ ngày 01/01/1900 tất cả các khu tham biện (inspection) đều thống nhất gọi là tỉnh (province), đứng đầu mỗi tỉnh là một viên cai trị tỉnh (administrateur du province), dân ta quen gọi là Chánh Tham biện hay Chủ tỉnh... Người đứng đầu cấp quận gọi là Chủ quận.



Ở làng Tân Dương, quần chúng đang căm phẫn vì bị bắt đi xâu liên miên, bỏ cả mùa màng, nhiều người bị bắt vì không tiền đóng thuế thân,... Chi bộ Tân Dương quyết định tổ chức cuộc đấu tranh đúng ngày Chủ tỉnh Sa Đéc Esquivillon đi kinh lý vùng này.

Từ tờ mờ sáng ngày 13/5/1930, hơn 700 dân làng Tân Dương, Long Hưng, Hòa Thành, Vĩnh Thạnh, Tân Khánh Tây<sup>(11)</sup>,... tập trung trước đình và nhà việc Tân Dương trong lúc Chủ quận Lai Vung và hương chức, hội tề đang tập trung đón Chủ tỉnh. Khẩu hiệu đấu tranh là "*Giảm thuế thân*", "*Bỏ thuế công-xi heo*" (*thuế sát sinh*), "*Hoãn bắt dân đi xâu, nếu đi phải trả công*", "*Thả những người bị bắt vì thiếu thuế thân, giảm miễn thuế công điền công thổ*"<sup>(12)</sup>.

Cuộc đấu tranh đang tiếp diễn thì chiếc canô chở Chủ tỉnh Sa Đéc Esquivillon cặp bến nhà việc Tân Dương. Khi Chủ quận Lai Vung và hương chức lách đoàn biểu tình xuống đón tiếp "quan lớn" thì đồng chí Phan Văn Bảy - Bí thư Chi bộ Tân Dương, đại diện đoàn biểu tình, nhảy xuống canô đưa yêu sách. Rừng người áp sát, vây chặt Chủ tỉnh và tay sai, Chủ tỉnh tuyên bố không có thẩm quyền giải quyết và định xuống canô quay về Sa Đéc, lập tức một số người nhảy xuống nước lôi chiếc canô lên cạn. Trước sức mạnh đấu tranh của quần chúng, Chủ tỉnh phải hứa sẽ thỏa mãn yêu sách của đoàn biểu tình<sup>(13)</sup>.

#### ***1.4. Cuộc đấu tranh ở quận Lấp Vò vào đầu tháng 5/1930***

Ngày đầu tháng 5/1930, Chi bộ Lấp Vò tổ chức mít tinh tại một đám tràm ở kinh Xáng Nhỏ, có khoảng 400 người dân từ 6 làng trong quận, với khẩu hiệu "*Hoãn thu thuế thân*", "*Bỏ thuế đuôi chuột*"<sup>(14)</sup>, "*Giảm tô, bỏ công lễ*", "*Đả đảo địa chủ cường hào và tham quan ô quan lại*". Sau mít tinh, các làng nhận truyền đơn, cờ, pháo tre và thống nhất hành động đồng loạt trong đêm để thị uy với bọn tề và cổ vũ phong trào. Sáng hôm sau, Chủ quận Lấp Vò hối hả đi Long Xuyên xin quân về lùng sục, bắt bớ những người dự mít tinh. Sau sự kiện này, ảnh hưởng của Chi bộ Lấp Vò lan rộng, phong trào quần chúng lên cao.

#### ***1.5. Cuộc đấu tranh do Chi bộ Phong Hòa tổ chức từ trung tuần tháng 3/1930 đến cuối tháng 5/1930***

Ở Phong Hòa, từ năm 1929 đến 1930, nhân dân phải đi làm xâu đắp con lộ 37 từ Bù Húc đến bên bắc Cần Thơ, không đi thì bị bắt, đi xâu rồi nhưng không tiền đóng thuế thân cũng bị bắt, đời sống nhân dân lao động, nhất là nông dân, rất cơ cực. Trước tình hình này, Chi bộ Phong Hòa quyết định tổ chức cuộc đấu tranh.

Vào khoảng trung tuần tháng 3/1930, Chi bộ đã huy động lực lượng tại chỗ

<sup>(11)</sup> Theo lời kể của đồng chí Hà Huy Giáp, lúc ấy là Bí thư Đặc ủy Hậu Giang, nhưng theo Hồi ức của đồng chí Phan Văn Thâu và đồng chí Nguyễn Văn Năng thì cuộc đấu tranh có trên 5.000 người. Hà Thành ngọc báo (Hà Nội) đưa tin "*Chứng một ngàn rưởi người kéo đến yêu cầu quan chánh Tham-biện (sic)*" mô tả sự kiện này.

<sup>(12)</sup> Những năm 1929 - 1930, chánh quyền Sa Đéc bắt dân làm xâu đắp con lộ đất từ thị xã vào xã Vĩnh Thạnh.

<sup>(13)</sup> Hà thành ngọc báo số 967 phát hành ngày 27/10/1930 đưa tin "*Ngày 25/10 - Toà Vĩnh-long đã nhóm xử vụ biểu-tình ở Tân-dương và tuyên án như sau này: 1- Đoàn Văn-Mười 3 năm tù và 5 năm biệt xứ, 2- Trần Văn-Đạt tức Hai 2 năm tù 3 năm biệt xứ, 3- Lê Văn Ôn 3 năm tù, 4- Trần Văn-Tân 3 năm tù, 5- Hồ Văn-Sát 3 năm tù, ...*".

<sup>(14)</sup> Theo quy định của nhà cầm quyền Pháp, khi đóng thuế thân người dân phải kèm theo 50 đuôi chuột phơi khô, nếu không có đuôi chuột thì chịu phạt 0,30 đồng (bằng giá một gạ lúa).

phối hợp với người dân của 11 làng trong quận Ô Môn, với trên 3.000 người, đội ngũ chính tề, kéo từ Phong Hòa qua bắc Cần Thơ, đến thẳng dinh Chánh tham biện (Toà bố) đưa yêu sách "*Hoãn đi xâu để dân gieo mạ làm mùa, hoãn thu thuế thân, bỏ thuế đui chuột*". Đồng bào Cần Thơ đã nhiệt tình ủng hộ cuộc đấu tranh. Trước khí thế và sức mạnh của quần chúng, Chủ tỉnh Cần Thơ phải chấp nhận yêu sách của đoàn biểu tình và sau đó Thống đốc Nam kỳ phải ra lệnh hoãn đắp con lộ này. Cuộc đấu tranh giành thắng lợi, quần chúng rất phấn khởi, phong trào lên cao, các tổ chức quần chúng phát triển.

Ngày 29/5/1930, thi hành chỉ thị của Đặc uỷ Hậu Giang, Chi bộ Phong Hòa huy động đảng viên và hội viên Nông hội làng, có sự trợ lực của một số đảng viên Chi bộ Cao Lãnh, Tân Dương (Sa Đéc), Tam Bình (Vĩnh Long), sang phối hợp với Chi bộ Thới Lai - Cờ Đỏ, kéo đến quận lỵ Ô Môn đấu tranh đòi bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế bến đò, thuế công-xi heo, giảm tô tức, chia lại công điền, công thổ cho dân cày nghèo.

Khi đoàn biểu tình đến bến bắc Cần Thơ thì bị địch đàn áp rất dã man, đồng chí Trần Văn Mảng, Chi bộ Cao Lãnh, Chi huy trưởng đoàn biểu tình và 10 đồng chí Chi bộ Phong Hòa bị bắt.

Tuy vừa mới ra đời, các chi bộ Đảng thuộc tỉnh Đồng Tháp đã lãnh đạo và phát động phong trào cách mạng sôi nổi, đều khắp trong Tỉnh, liên tục nối tiếp nhau. Có đường lối, chủ trương đúng đắn của Trung ương Đảng, có biện pháp cách mạng sáng tạo, có khẩu hiệu đấu tranh thích hợp, có tổ chức cách mạng, phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng lên cao như sóng thủy triều, như lửa rục cháy.

## **2. Cuộc đấu tranh phục hồi phong trào cách mạng trong những năm 1932 - 1935**

Hoảng sợ trước bão táp cách mạng và ảnh hưởng ngày càng rộng lớn của Đảng, địch ra sức khủng bố, đàn áp, kết hợp với dụ dỗ, mua chuộc, mị dân, nhiều lần đánh phá các chi bộ Đảng, Liên Tỉnh uỷ Vĩnh Long - Sa Đéc, Đặc uỷ Hậu Giang. Nhưng địch chẳng những không khuất phục được các đảng viên kiên trung và quần chúng cách mạng mà càng làm cho họ dày dạn trong đấu tranh và trưởng thành. Bất chấp mọi gian nguy, bằng nhiều phương pháp sáng tạo, họ đã truyền đi tiếng nói, hơi thở của Đảng tới quần chúng lao động.

Ngày 30/4/1932, Chi bộ Cao Lãnh được thành lập lại, có 06 đảng viên, do đồng chí Bùi Văn Dự phụ trách Bí thư, cơ quan của chi bộ đặt tại Mỹ Trà, xuất bản tờ tuần báo *Dân Cày*<sup>(15)</sup>. Qua một thời gian hoạt động, Chi bộ Cao Lãnh đã phát triển được 17 đảng viên ở Hòa An, Tân Thuận Đông, Tân Thuận Tây, Mỹ Trà.

Được sự đồng ý của Đặc uỷ Long - Châu - Rạch - Hà, Chi bộ Cao Lãnh quyết định thành lập Quận uỷ, do đồng chí Bùi Văn Dự phụ trách Bí thư kiêm giao thông. Quận uỷ Cao Lãnh kiện toàn các Chi bộ đã có, phát triển thêm các Chi bộ mới ở Phong Mỹ, Mỹ Ngãi, Tịnh Thới (quận Cao Lãnh), Tân Mỹ, Mỹ An Hưng (quận

<sup>(15)</sup> Tuần báo *Dân Cày* xuất bản thứ Ba hàng tuần, ra được 4 số thì đình bản để tập trung vào tờ *Cùng Khổ* của Đặc uỷ Long-Châu-Rạch-Hà.

Châu Thành), Bình Thành, Tân Huệ (quận Chợ Mới). Các Chi bộ Tân Dương (quận Lai Vung), Phong Hòa (quận Ô Môn), Lấp Vò (quận Lấp Vò), Tân Thạnh, Tân Phú (quận Chợ Mới). Tháng 11/1933, Chi bộ Cái Tàu Hạ được thành lập. Các tổ chức Công hội, Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ đều thành lập Ban trị sự và hoạt động theo điều lệ.

Trong khi phong trào cách mạng vừa được hồi phục, các chi bộ Đảng đang trên đà củng cố, thì khoảng tháng 3/1933, cơ quan Đặc uỷ Long - Châu - Rạch - Hà và Quận uỷ Cao Lãnh lại bị địch đánh phá, một số đảng viên bị bắt. Tháng 11/1934, đồng chí Bùi Văn Dự, Bí thư Quận uỷ Cao Lãnh, lại bị bắt. Đặc uỷ điều đồng chí Nguyễn Long Xảo từ Hồng Ngự về Cao Lãnh. Chi bộ Cao Lãnh được thành lập lại, có 5 đảng viên - gọi là Chi bộ Hòa An - Tân Thuận Đông, do đồng chí Nguyễn Long Xảo phụ trách Bí thư.

Ở tổng Phong Thạnh Thượng, khoảng tháng 10/1931, địch mở chiến dịch khủng bố ác liệt nhằm vào các làng Tân Huệ, Bình Thành, Tân Phú, An Phong, một số đảng viên và quần chúng cốt cán bị bắt. Bất chấp mọi khó khăn, nguy hiểm, các đảng viên còn lại đã tìm cách nhen nhóm và phục hồi phong trào. Năm 1933, cơ quan Quận uỷ Chợ Mới đóng ở An Phong lại bị địch đánh phá. Trước tình thế ác liệt, một số đảng viên phải tạm tránh xuống Cao Lãnh hoặc lên Hồng Ngự. Được sự che chở, đùm bọc của quần chúng, những đảng viên này tìm cách trở về địa phương nhen nhóm và giữ vững phong trào. Cuối tháng 7/1934, Quận uỷ Chợ Mới quyết định thành lập Tổng uỷ Phong Thạnh Thượng, phân công các uỷ viên về trực tiếp phụ trách các làng An Phong, Phú Thành, Tân Thạnh, Bình Thành,... Các chi bộ này bước đầu được củng cố, phong trào cách mạng được phát triển đều ở tổng Phong Thạnh Thượng vào năm 1935.

Ở quận Hồng Ngự, khoảng tháng 4/1931, bọn cầm quyền Châu Đốc tăng cường cho quận một tiểu đoàn lính người Khmer phối hợp với lực lượng của quận mở chiến dịch vây ráp, khủng bố dài ngày, hết đợt này đến đợt khác, đim phong trào trong máu lửa. Số lớn đảng viên và quần chúng cách mạng bị bắt, tù đày hoặc bị bắn giết. Những đảng viên còn lại phải tạm lánh ở làng Thường Thới, Phú Mỹ hoặc dạt qua núi Sam,... Quần chúng hoang mang, tinh thần sa sút. Trước khó khăn và thử thách mới, đồng chí Trần Văn Lãm, người đảng viên kiên cường, người con ưu tú của quận Hồng Ngự<sup>(16)</sup> đã cùng đồng chí Đạm, được sự đùm bọc, nuôi dưỡng, che chở của đồng bào Thường Thới, vẫn tiếp tục hoạt động nuôi dưỡng phong trào, củng cố các tổ chức Đảng bị địch đánh phá. Năm 1932, đồng chí Trần Văn Lãm bị địch bắt và tra tấn đến chết tại khám đường Tân Châu. Các đồng chí Đạm, Mạnh, Công và một số quần chúng trung kiên cũng lần lượt sa lưới mật thám. Để tưởng nhớ người chiến sĩ cộng sản trung kiên, bất khuất, đồng thời để phát động gây căm thù, các đảng viên tổ chức trọng thể lễ truy điệu, buổi lễ vừa mới bắt đầu thì bị địch bao vây, một cuộc đàn áp đẫm máu diễn ra. Tiếp theo đó là chiến dịch khủng bố trắng của địch, phong trào tạm thời bị lắng xuống.

<sup>(16)</sup> Đồng chí Trần Văn Lãm (Tư Lãm) người đứng ra thành lập Chi bộ đầu tiên quận Hồng Ngự - Chi bộ Long Thuận.

Đề củng cố cơ sở Đảng, duy trì phong trào cách mạng ở địa phương, năm 1933, Đặc uỷ Hậu Giang điều đồng chí Nguyễn Long Xảo và nữ đồng chí Trần Thị Lệ về Hồng Ngự. Chi bộ Hồng Ngự lúc này chỉ có 4 đảng viên (Nguyễn Long Xảo, Trần Thị Lệ, Lê Ngọc Độ và Nguyễn Văn Nghiệp). Đề nghị trang, Chi bộ mở tiệm hớt tóc và tiệm chụp hình tại quận lỵ Hồng Ngự, tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ một số thanh niên yêu nước (Dương Tấn Hưng, Phan Thành Hợi, Phan Văn Cai, Ba Bá, Hai Đáng,...), những đồng chí này trở thành cán bộ lãnh đạo chủ chốt của quận Hồng Ngự trong thời kỳ 1936 -1939 và trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Ngoài ra, Chi bộ Hồng Ngự còn tổ chức một số Chi bộ trực thuộc, gồm Chi bộ Phú Lâm (quận Tân Châu), Chi bộ Chòm Dầu (làng Phú Mỹ), Chi bộ Tân Long (giáp quận Ba Nam, Campuchia).

\*\*\*

Từ khi Chi bộ đầu tiên của tỉnh Đồng Tháp - Chi bộ Hòa An (về sau thường gọi là Chi bộ Cao Lãnh) được thành lập và một số chi bộ khác tiếp tục ra đời, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Đồng Tháp diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ, liên tục, là phong trào quần chúng rộng lớn chưa từng có và đã trở thành cao trào những năm 1930 - 1931. Đây là cuộc đối đầu trực diện đầu tiên giữa lực lượng cách mạng vừa mới hình thành, dưới sự lãnh đạo của các chi bộ Đảng còn non trẻ, chống lại chế độ thống trị lâu đời của thực dân Pháp; mở đầu giai đoạn lịch sử của phong trào cách mạng theo đường lối chủ nghĩa Mác - Lênin; phong trào này vừa có chiều rộng - diễn ra từ thành thị đến nông thôn, vừa có chiều sâu vì nó đã đi vào các tầng lớp cơ bản của xã hội là công nhân, nông dân. Qua các cuộc đấu tranh đã hình thành trên thực tế sự liên kết, gắn bó chặt chẽ và mật thiết giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, một lực lượng chính trị mạnh mẽ của phong trào.

Phong trào cách mạng những năm 1930 - 1931 ở Đồng Tháp so với các phong trào yêu nước trước kia đã có sự biến đổi về chất, đã *chuyển từ đấu tranh tự phát sang đấu tranh tự giác* vì có sự lãnh đạo của một chính đảng vô sản. Đối với đảng viên, nó càng củng cố lòng tin tuyệt đối vào sức mạnh vô địch của quần chúng.

Những năm 1932 - 1935, là những năm tháng hết sức gian khổ, đầy khó khăn, thử thách và hy sinh, tuy có mặt thiếu sót và yếu kém, lực lượng của Đảng có bị tổn thất, nhưng các chi bộ Đảng vẫn tiếp tục tồn tại, càng được tôi luyện và vững bước tiến lên.